UBND TỈNH CÀ MAU **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183 /TB-SCT	*Cà Mau, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Quyết định số 2784/QĐ-BCT ngày 23/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Sở Công Thương thông báo đến các Sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết:

- Danh mục TTHC nội bộ mới ban hành: **09** TTHC (gồm: **07** TTHC thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh; **01** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; **01** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã).

- Nội dung các thủ tục hành chính và Quy trình được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: *https://socongthuong.camau.gov.vn.*

Sở Công Thương thông báo đến các cơ quan, đơn vị được biết *(Gửi kèm theo Quyết định số 2784/QĐ-BCT ngày 23/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương)*./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC cấp tỉnh, cấp xã;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở (đăng tin);
- Lưu: VT, VP_{TB}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH CÀ MAU

Tô Minh Đương

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(ban hành kèm theo Thông báo số 183/TB-SCT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Sở Công Thương)

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết
I	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**		
1.	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	(1) Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15 (sau đây viết tắt là Luật Địa chất và khoáng sản); (2) Điều 12, Điều 13 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 193/2025/NĐ-CP); (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 143, Điều 143a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3.	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 52 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (4) Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4.	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 66, Điều 74 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Các Điều 71, 72 và 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (4) Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 71 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 86, Điều 87 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (4) Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6.	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 101 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7.	Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 98, Điều 99 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Các Điều 131, 135 và 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (4) Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8.	Khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản	(1) Điều 92 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Các Điều 122, 123 và 124 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP);	Sở Công Thương

		(4) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (5) Điều 10 và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 60/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	
II.	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**		
9.	Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	(1) Điều 98, Điều 99 Luật Địa chất và khoáng sản; (2) Các Điều 131, 135 và 136 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; (3) Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; (4) Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 58/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã